

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ
KHOÁ VI, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 9807/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 100/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

1. Đối tượng nộp phí, lệ phí:

Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất

và chuyển quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; cấp đổi, cấp lại, cấp mới do biến động, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

2. Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:

a) Đối tượng miễn nộp phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công; hộ nghèo; các trường hợp được giao đất tái định cư và các trường hợp mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

b) Đối tượng miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công; hộ nghèo; các trường hợp được giao đất tái định cư và các trường hợp mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

- Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 7 năm 2014) mà cấp đổi Giấy chứng nhận do đo đạc lại bản đồ địa chính.

- Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã được cấp Giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất.

3. Cơ quan thu phí, lệ phí:

a) Văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa;

b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại các huyện, thị xã, thành phố.

4. Mức thu phí:

STT	NỘI DUNG	Mức thu phí (đồng/hồ sơ)	Mức thu lệ phí (đồng/hồ sơ)
1	Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất làm nhà ở; công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền		
	Đất nội thành, nội thị, thị trấn	600.000	25.000
	Đất thuộc các xã khu vực đồng bằng	400.000	10.000

STT	NỘI DUNG	Mức thu phí (đồng/hồ sơ)	Mức thu lệ phí (đồng/hồ sơ)
	Đất thuộc các xã khu vực miền núi	200.000	10.000
2	Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh		
a)	Đất được giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông - lâm - thủy sản		
	Diện tích đất dưới 2.000m ²	400.000	100.000
	Diện tích đất từ 2.000m ² đến dưới 5.000m ²	600.000	100.000
	Diện tích đất từ 5.000m ² đến dưới 10.000m ²	800.000	100.000
	Diện tích đất từ 10.000m ² đến dưới 15.000m ²	1.000.000	100.000
	Diện tích đất từ 15.000m ² trở lên	1.200.000	100.000
b)	Đất được giao, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ và đất được giao cho dự án phát triển nhà ở		
	Diện tích đất dưới 2.000m ²	1.000.000	100.000
	Diện tích đất từ 2.000m ² đến dưới 5.000m ²	2.000.000	100.000
	Diện tích đất từ 5.000m ² đến dưới 10.000m ²	3.000.000	100.000
	Diện tích đất từ 10.000m ² đến dưới 15.000m ²	4.000.000	100.000
	Diện tích đất từ 15.000m ² trở lên	5.000.000	100.000
3	Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích khác ngoài hai nhóm 1 và 2 nêu trên	500.000	100.000
4	Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi chuyển quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất		
a)	Đối với hộ gia đình, cá nhân		
	Khu vực các phường	600.000	100.000
	Khu vực khác	600.000	50.000

STT	NỘI DUNG	Mức thu phí (đồng/hồ sơ)	Mức thu lệ phí (đồng/hồ sơ)
b)	Đối với tổ chức	600.000	500.000
5	Cấp đổi, cấp lại, cấp mới do biến động, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận		
a)	Trường hợp chỉ chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)		
	Đối với hộ gia đình, cá nhân		
	- Khu vực các phường	100.000	20.000
	- Khu vực khác	100.000	15.000
	Đối với tổ chức	200.000	50.000
b)	Trường hợp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
	Đối với hộ gia đình, cá nhân		
	- Khu vực các phường	200.000	40.000
	- Khu vực khác	100.000	25.000
	Đối với tổ chức	300.000	50.000

6. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

a) Đối với phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Cơ quan thu phí được để lại 100% số thu để đảm bảo cho công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

b) Đối với lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất: Cơ quan thu lệ phí nộp 100% số thu vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí được thực hiện theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này thay thế Khoản 9 Mục I Nghị quyết số 08/2003/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về thu phí trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Nghị quyết số 01/2008/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

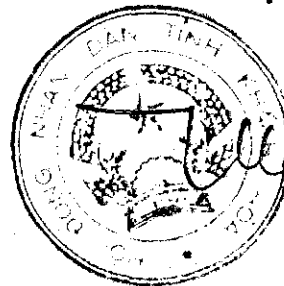
3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VI Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KT VBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBND TQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP. HĐND, VP. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Sở Tư pháp (Phòng KT VBQPPL);
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Lưu: VT, KN.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuân